

L, ngày 13 tháng 5 năm 2022.

Số: 44/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
 - *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
 - + Anh Bùi Quốc V, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn M, xã Y, huyện L, tỉnh Hoà Bình.

+ Chị Trần Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Ngày 11/4/2016, anh Bùi Quốc V và chị Trần Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vì vậy, hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh V và chị T đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa công nhận thuận tình ly hôn.

Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh V và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: anh V và chị T có một con chung: Bùi Phước V, sinh ngày 19/10/2016. Hai anh chị thỏa thuận giao cháu V cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh V có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh V, chị T thỏa thuận anh V cấp dưỡng cho cháu Bùi Phước V 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/ tháng từ ngày 01/6/2022 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: anh V, chị T thỏa thuận anh V nộp toàn bộ tạm ứng lệ phí, lệ phí tại Tòa án.

[5] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: anh Bùi Quốc V và chị Trần Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cháu Bùi Phước V, sinh ngày 19/10/2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh V có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh V cấp dưỡng cho cháu Bùi Phước V 500.000 (năm trăm nghìn) đồng/ tháng từ ngày 01/6/2022 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Tòa án: Anh V nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000153 ngày 19/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện Lạc Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Hải Dương